

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2020/TLST-DS ngày 13/7/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 26/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; địa chỉ: phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp là ông T - Chức vụ: Phó Giám đốc. *Có mặt*

2. *Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **B1**, sinh năm 1975; *Có mặt*

- Bà **S**, sinh năm 1936; *Có đơn xin vắng mặt*

- Anh **T1**, sinh năm 1985; *Có đơn xin vắng mặt*

- Chị **N**, sinh năm 1982. *Có đơn xin vắng mặt*

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: Ngày 20/02/2019 anh B có ký hợp đồng tín dụng số 7710-LA V-201900635 vay của Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng, lãi suất nợ trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả cuối cùng là 19/02/2020. Tài sản thế chấp là diện tích đất 29.878 m² tại ấp C, xã B, huyện M theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA. và CA1 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho anh B ngày 15/10/2015. Do anh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh B và chị B1 trả số nợ 472.589.410 đồng; trong đó: nợ gốc 450.000.000 đồng và lãi 22.589.410 đồng. Đồng thời yêu cầu trả lãi phát sinh đến khi trả hết nợ, nếu không thanh toán yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Trong thời gian đợi Tòa án giải quyết, chị B1 có trả được 250.000.000 đồng tiền gốc. Nay yêu cầu anh B và chị B1 tiếp tục thanh toán số nợ còn lại là 330.710.616 đồng; trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 130.710.616 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký. Nếu không thanh toán yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn anh B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị B1 trình bày: Thống nhất số nợ Ngân hàng yêu cầu và đồng ý trả số nợ này. Nhưng hiện nay anh B đi làm chưa gửi tiền về kịp, khi anh B gửi tiền về sẽ trả đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay Tòa án giải quyết như thế nào thì đồng ý theo quyết định của Tòa án, không ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà S, anh T1, chị N có đơn xin vắng nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh B vắng mặt lần hai không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà S, anh T1, chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh B và chị B1 cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/5/2022 là 330.710.616 đồng và Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký, trường hợp anh B và chị B1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh B ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng N, nhưng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, hiện tại trên đất có nhà bà S, ở cùng anh T1 và chị N nên Tòa án đã đưa bà S, anh T, chị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh B đã được Tòa án triệu tập để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng; bà S, anh T1, chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 20/02/2019 anh B vay của Ngân hàng số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; hạn trả cuối cùng là 19/02/2020. Tài sản thế chấp là diện tích đất 29.878 m² tại ấp C, xã B, huyện M theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA và CA1 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông B ngày 15/10/2015. Do anh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu anh B và chị B1 trả số tiền tính đến ngày 24/5/2022 là 330.710.616 đồng; trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 130.710.616 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký.

Anh B hiện tại đi làm không có nhà, chị B1 là vợ anh B thống nhất số nợ và đồng ý cùng anh B trả số nợ này, nhưng hiện nay anh B chưa gửi tiền về kịp nên đồng ý theo quyết định của Tòa án.

[3] Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; chị B1 thừa nhận số nợ nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự không cần phải chứng minh. Buộc anh B và chị B1 trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2022 là 330.710.616 đồng; trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 130.710.616 đồng và Ngân hàng tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã ký. Sau khi án có hiệu lực mà anh B, chị B1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7710-LCL-201900335/HĐTC ngày 20/02/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là diện tích đất 29.878 m² tại ấp C, xã B, huyện M, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA và

CA1 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông B ngày 15/10/2015.

[4] Chi phí tố tụng: Anh B và chị B1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.795.997 đồng; Ngân hàng đã tạm nộp nên anh B và chị B1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh B và chị B1 chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán số nợ $330.710.616 \text{ đồng} \times 5\% = 16.535.000 \text{ đồng}$.

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 92, 147, 157, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N đối với anh B và chị B1. Buộc anh B và chị B1 cùng liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24/5/2022 là 330.710.616 đồng (Ba trăm ba mươi triệu bảy trăm mười nghìn sáu trăm mười sáu đồng); trong đó: nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 130.710.616 đồng.

Ngân hàng có quyền tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký đối với số nợ chưa thanh toán kể từ ngày 25/5/2022 cho đến khi thi hành án xong số nợ.

Sau khi án có hiệu lực mà anh B, chị B1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7710-LCL-201900335/HĐTC ngày 20/02/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là diện tích đất 29.878 m² tại ấp C, xã B, huyện M, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA và CA1 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông B ngày 15/10/2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh B và chị B1 cùng liên đới chịu án phí là 16.535.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.451.788 đồng (Mười một triệu bốn trăm năm mươi một nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007945 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Chi phí tố tụng: Buộc anh B và chị B1 trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.795.997 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

4- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận